

# NGHIÊN CỨU VỀ CÁC YẾU TỐ CHÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

Lê Thị Hiền

Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương;

Email: Hientienanh1975@gmail.com

/Ngày nhận bài: 05/04/2025

/Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 16/04/2025

/Ngày chấp nhận đăng: 20/04/2025

## TÓM TẮT

Nói tiếng Anh là một trong những kỹ năng khó nhất đối với sinh viên Trường Đại học Sư phạm nghệ thuật Trung ương vì có nhiều yếu tố như vốn từ hạn chế, độ chính xác khi phát âm, sự lo lắng, thiếu sự tự tin, thiếu động cơ học tập và phương pháp giảng dạy không hiệu quả là những yếu tố dẫn đến năng lực và hiệu suất ngôn ngữ yếu. Bài báo này nhằm mục đích nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng tới sinh viên Việt Nam đặc biệt là sinh viên Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương phải đối mặt khi thực hành kỹ năng nói. Kết quả chứng minh rằng sinh viên thường sợ mắc lỗi hoặc bị đánh giá kém, họ có xu hướng cảm thấy căng thẳng và lo lắng, thiếu tự tin trong các bài thuyết trình hay thảo luận và đôi khi cảm thấy lúng túng với ý tưởng của mình. Bài báo cũng đưa ra các khuyến nghị và đề xuất các giải pháp giúp nâng cao chất lượng dạy và học kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương hiện nay.

*Từ khóa:* Các yếu tố ảnh hưởng, kỹ năng nói, sinh viên Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

## STUDY ON KEY FACTORS INFLUENCING ENGLISH SPEAKING SKILL AMONG STUDENTS AT NATIONAL UNIVERSITY OF ARTS EDUCATION

### ABSTRACT

English Speaking skill is one of the most difficult skills for students at National University of Arts Education because of factors such as limited vocabulary, pronunciation accuracy, anxiety, lack of confidence, lack of motivation, and ineffective teaching methods. These factors often contribute to weak language abilities and performance. This article aims to investigate the factors affecting Vietnamese students, especially those at National University of Arts Education, when practicing speaking skills. The results demonstrate that students often fear making mistakes or being judged poorly, tend to feel stressed and anxious, lack confidence in presentations or discussions, and sometimes feel confused with their ideas. This article also gives recommendations and suggestions to improve the quality of teaching and learning speaking skill for students at National University of Arts Education.

*Keywords:* Influencing factors, speaking skills, students at National University of Arts Education

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quá trình toàn cầu hóa, nhiều quốc gia đã đưa tiếng Anh vào chương trình giáo dục, và trong một số trường hợp, nó là môn học bắt buộc, nhằm phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao và thành thạo ngôn ngữ này. Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Thực tế, Việt Nam đã đưa tiếng Anh vào chương trình giáo dục toàn quốc từ lớp 3 đến lớp 5 tại các trường tiểu học như một môn học tự chọn từ năm 2003 và bắt buộc từ năm 2006 (Cao, Hoang & Ta, 2016), khiến học sinh Việt Nam được tiếp xúc với ngôn ngữ này ngay từ khi còn nhỏ. Tuy nhiên, khi học một ngôn ngữ mới, người học có thể gặp phải những rào cản ảnh hưởng đến sự tiến bộ của họ. Những rào cản này

có thể đến từ yếu tố bên ngoài hoặc bên trong. Các yếu tố bên ngoài bao gồm môi trường học tập, nhà trường, gia đình, người dạy v.v..., trong khi các yếu tố bên trong thường liên quan đến tâm lý học. Các yếu tố này ảnh hưởng đến quá trình tiếp thu ngôn ngữ của người học và bao gồm những yếu tố như lòng tự trọng, thái độ, lo lắng, động lực, sự nhút nhát, năng khiếu, sự tự tin, v.v... (Mirhadizadeh, 2016).

Đối với hầu hết các sinh viên tại Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, kỹ năng nói luôn được xem là kỹ năng khó nhất trong 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết trong quá trình học ngoại ngữ. Họ đã cố gắng để học, để luyện nói tiếng Anh tuy nhiên có

những rào cản ảnh hưởng đến quá trình nắm bắt ngôn ngữ của họ. Bài báo này nhằm tìm hiểu các yếu tố chính ảnh hưởng đến kỹ năng nói của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương và đề xuất giải pháp giúp cải thiện động lực học tập nâng cao hiệu quả giao tiếp bằng tiếng Anh của sinh viên.

### 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi áp dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận: Phương pháp phân tích, tổng hợp các tài liệu liên quan đến đề tài.

Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Phương pháp quan sát, phương pháp điều tra bằng phiếu khảo sát, phương pháp phỏng vấn sâu, lấy ý kiến chuyên gia, thống kê toán học.

Để thu thập thông tin về các yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, chúng tôi tiến hành nghiên cứu 09 giảng viên và 120 sinh viên thuộc 02 lớp tiếng Anh A2 (TC13+14) Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương. Hai bảng hỏi được thiết kế nhằm thu thập dữ liệu về những khó khăn trong dạy và học nói của sinh viên, các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng nói và cách cải thiện kỹ năng nói của sinh viên.

### 3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Kỹ năng nói

Theo Bailey (2000), nói là một quá trình tương tác trong đó người nói có ý định xây dựng ý nghĩa thông qua việc tạo ra, tiếp nhận và xử lý thông tin. Theo Flutcher (2003:23), “nói là việc sử dụng ngôn ngữ bằng lời để giao tiếp với người khác”. Hơn nữa, Mackey trong Bygate (1987:5) đã tóm tắt nói, biểu đạt bằng lời, như sau: “Biểu đạt bằng lời không chỉ bao gồm việc sử dụng đúng âm thanh theo mẫu nhịp điệu và ngữ điệu phù hợp, mà còn bao gồm việc lựa chọn từ ngữ và cách nhấn giọng theo đúng thứ tự để truyền đạt đúng ý nghĩa. Nói cách khác, Brown (2001:267) đã nêu rằng “thành công của việc tiếp thu ngôn ngữ hầu như luôn là thể hiện khả năng đạt được các mục tiêu thông qua diễn ngôn tương tác với những người nói ngôn ngữ khác”.

Nói được coi là một “kỹ năng hiệu quả” và có mối liên hệ mật thiết với kỹ năng nghe, vì cả hai đều cần thiết để giao tiếp hiệu quả. Mỗi người nói đồng thời cũng là người nghe và ngược lại, người nghe cũng có khả năng trở thành người nói (Abd EL Fattah Torky, 2006). Nói không chỉ bao gồm việc truyền đạt thông tin mà còn là một quá trình tương tác giữa các bên. Hình thức và ý nghĩa của lời nói sẽ phụ thuộc vào bối cảnh, bao gồm người tham gia, kinh nghiệm của họ, môi trường vật lý và mục đích giao tiếp (Setyani, 2013/2014).

Nói chính là “cây cầu” kết nối người học với thế giới bên ngoài. Để xây dựng cây cầu đó, giảng viên cần tạo cơ hội cho sinh viên thực hành giao tiếp có mục đích trong những tình huống thực tế. Trong quá trình này, họ cần phân tích các khó khăn mà người học gặp phải, thường là do thiếu kiến thức, thiếu tự tin và kỹ năng còn hạn chế (Setyani, 2013/2014). Với sự hướng dẫn đầy đủ trong lớp học, cùng với việc chuẩn bị và thực hành ngôn ngữ, kết quả có thể sẽ rõ rệt: sinh viên tham gia nhiều hơn, động lực học tập cao, sự tham gia nhiệt tình và ngôn ngữ đạt mức chấp nhận được.

#### 3.2. Các nguyên tắc dạy nói

Theo Nunan (2003), các nguyên tắc dạy nói bao gồm: (1) Xem xét bối cảnh học ngôn ngữ thứ hai và học ngoại ngữ. Bối cảnh của ngôn ngữ thứ hai là ngôn ngữ giao tiếp trong xã hội hoặc tiếng mẹ đẻ. Trong khi đó, trong bối cảnh của học ngoại ngữ, ngôn ngữ đích không phải là ngôn ngữ giao tiếp trong xã hội; (2) Tạo cơ hội cho người học phát triển sự lưu loát và chính xác. Lưu loát là cách người học sử dụng ngôn ngữ một cách nhanh chóng và dễ dàng nói cách khác là nắm vững nội dung. Trong khi độ chính xác là mức độ mà ý nghĩa được truyền đạt với ý nghĩa mà người nghe tiếp thu được, tạo cơ hội cho người học luyện nói bằng cách sử dụng hoạt động nhóm và cặp. Hoạt động này được sử dụng để tăng thời gian luyện nói của họ; (3) Xem xét việc đàm phán ý nghĩa. Điều này nhằm làm rõ và xác nhận xem học sinh có hiểu nhau hay không. Có thể thực hiện bằng cách yêu cầu làm rõ, lặp lại hoặc giải thích trong khi trò chuyện để hiểu nhau; (4) Thiết kế các hoạt động trong lớp học bao gồm hướng dẫn và thực hành cả nói giao tiếp và tương tác. Các hoạt động này có thể được xây dựng dưới dạng các trò chơi, bài tập nhóm, thảo luận hoặc các tình huống mô phỏng thực tế, giúp người học không chỉ nâng cao kỹ năng nói mà còn rèn luyện khả năng lắng nghe, phản hồi và giao tiếp hiệu quả. Đồng thời, việc kết hợp giữa lý thuyết và thực hành giúp học sinh cảm thấy tự tin hơn khi sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp thực tế.

#### 3.3. Các thành tố cơ bản của kỹ năng nói

Quá trình giao tiếp là quá trình tương tác giữa các cá nhân làm việc cùng nhau để đạt được mục tiêu truyền tải. Theo Hughe (2003), có năm thành tố quan trọng của kỹ năng nói, cụ thể là: ngữ pháp, từ vựng, phát âm, sự trôi chảy và hiểu.

##### 3.3.1. Phát âm

Phát âm là cách để người nói tạo ra ngôn ngữ rõ ràng hơn khi nói. Liên quan đến quá trình ngữ âm đề cập đến thành phần ngữ pháp bao gồm các yếu tố và nguyên tắc xác định cách âm thanh thay đổi và các mẫu trong ngôn ngữ. Có hai đặc điểm phát âm; âm vị và đặc điểm siêu phân đoạn. Có hai đặc điểm phát âm; âm vị và đặc điểm siêu phân đoạn. Ngoài ra,

phát âm bao gồm tất cả các khía cạnh của lời nói tạo nên một luồng lời nói dễ hiểu, bao gồm cách phát âm phân đoạn, nhịp điệu, ngữ điệu và cách diễn đạt, cử chỉ, ngôn ngữ cơ thể và giao tiếp bằng mắt. (Fraser, 2001: 6).

Nhà nghiên cứu kết luận rằng phát âm là học kiến thức về cách các từ trong một ngôn ngữ cụ thể được tạo ra rõ ràng khi mọi người nói. Khi nói, phát âm đóng vai trò quan trọng để giúp quá trình giao tiếp dễ hiểu bởi vì nếu phát âm sai, có thể dẫn đến sự hiểu lầm trong giao tiếp. Ví dụ: việc đề cập đến các từ see, sea...

### 3.3.2. Sự trôi chảy

Sự trôi chảy là khả năng đọc, nói hoặc viết dễ dàng, lưu loát. Nói cách khác, người nói có thể đọc, hiểu và phản hồi bằng ngôn ngữ một cách rõ ràng và súc tích trong khi kết nối ý nghĩa và ngữ cảnh. Sự trôi chảy có thể được định nghĩa là khả năng nói lưu loát và chính xác. Lưu loát khi nói là mục tiêu của nhiều người học ngôn ngữ. Các dấu hiệu của sự lưu loát bao gồm tốc độ nói khá nhanh và chỉ có một chút ngắt nghỉ và “uhmm” hoặc “eee”. Những dấu hiệu này chỉ ra rằng người nói không dành nhiều thời gian để tìm kiếm từ vựng ngôn ngữ cần thiết để diễn đạt thông điệp.

### 3.3.3. Từ vựng

Từ vựng có nghĩa là cách diễn đạt phù hợp hoặc điều quan trọng nhất trong một ngôn ngữ, đặc biệt là khi nói; hơn nữa, biết nhiều từ vựng sẽ dễ dàng hơn trong việc diễn đạt ý tưởng, cảm xúc và suy nghĩ của chúng ta dưới dạng nói hoặc viết. Trong ngôn ngữ nói, từ vựng có xu hướng quen thuộc và hàng ngày (Turk, 2003:87). Nếu không có đủ từ vựng, con người không thể giao tiếp hiệu quả hoặc diễn đạt ý tưởng của mình, cả dưới dạng nói và viết. Vốn từ vựng hạn chế mà sinh viên nắm vững trở thành trở ngại trong việc học tiếng Anh. Không có từ vựng, không có gì có thể truyền đạt được. Vì vậy, dựa trên lời giải thích này, nhà nghiên cứu kết luận rằng nếu không có đủ vốn từ vựng, người học tiếng Anh sẽ không đạt hiệu quả tối ưu trong cả việc sử dụng nói và viết.

### 3.3.4. Ngữ pháp

Ngữ pháp của một ngôn ngữ là mô tả về cách các từ có thể thay đổi hình thức của chúng và có thể được kết hợp thành các câu trong ngôn ngữ đó (Harmer, 2001:12). Người học cần sắp xếp các câu đúng trong cuộc trò chuyện. Greenbaum và Nelson (2002:1) lập luận rằng ngữ pháp đề cập đến tập hợp các quy tắc cho phép chúng ta kết hợp các từ trong ngôn ngữ của mình thành các đơn vị câu lớn hơn. Thành tố ngữ pháp trong kỹ năng nói đóng vai trò rất quan trọng, vì chúng giúp người nói tổ chức và truyền đạt thông tin một cách rõ ràng, mạch lạc. Các thành tố này bao gồm các đơn vị ngữ pháp như từ loại, câu, và cấu trúc cú pháp. Việc sử dụng đúng các thành tố ngữ pháp

giúp người nói tránh được sự hiểu lầm và tạo nên sự kết nối mạch lạc trong giao tiếp. Ngoài ra, việc lựa chọn từ vựng phù hợp với ngữ cảnh và sử dụng đúng thì, thể của động từ cũng là những yếu tố quan trọng để nâng cao hiệu quả giao tiếp.

### 3.3.4. Hiểu

Hiểu là khả năng nhận thức và xử lý các đoạn văn, để xây dựng các biểu diễn về ý nghĩa của các câu. Hiểu ngôn ngữ thứ hai khó học hơn vì nó không thể quan sát trực tiếp và phải được suy ra từ các phân hồi bằng lời và không bằng lời, bằng các công cụ nhân tạo hoặc bằng trực giác của giáo viên, nhà nghiên cứu. Trong cách nói, có thể kết luận rằng hiểu đề cập đến sự hiểu biết của người nói về những gì họ đang nói với người nghe để tránh hiểu lầm thông tin; ngoài ra, chức năng của nó là giúp người nghe dễ dàng nắm bắt thông tin từ người nói.

### 3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên

Rõ ràng là các yếu tố tâm lý đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai và ngôn ngữ nước ngoài ở sinh viên, đặc biệt là trong kỹ năng nói. Do đó, điều quan trọng là phải làm nổi bật các yếu tố tâm lý sau đây được hỗ trợ bởi các lý thuyết khác nhau.

#### 3.4.1. Sự tự tin

Có nhiều rào cản ảnh hưởng đến sự tự tin, bao gồm các yếu tố tâm lý, sinh lý, thể chất và thái độ. Một số rào cản trong số đó là những yếu tố nội tại như tâm lý và thái độ, trong khi một số khác là yếu tố bên ngoài như sinh lý, thể chất. Thiếu tự tin có thể coi là một rào cản tâm lý và thái độ, khiến người học gặp khó khăn khi nói bằng tiếng nước ngoài, thậm chí là tiếng mẹ đẻ (Gürler, 2015). Sự tự tin, như một yếu tố quan trọng trong việc tạo điều kiện để nói trôi chảy và chính xác bằng cả tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ đích, ngày càng trở nên quan trọng trong giao tiếp, đặc biệt là khi nói.

Sự tự tin đóng góp một phần lớn vào mong muốn giao tiếp bằng tiếng nước ngoài của người học. Nói đòi hỏi một mức độ tự tin cao, tức là sự chắc chắn khi thực hiện điều gì đó và khả năng vượt qua cảm giác ngại ngùng, đồng thời tự tin và chủ động trong các tình huống xã hội (Longman Dictionary of Contemporary English).

#### 3.4.2. Phương pháp giảng dạy của người thầy

Hầu hết các phương pháp truyền thống hiện nay thường coi người dạy là trung tâm của quá trình giảng dạy, với ít hoặc không có hoạt động nào dành cho người học. Điều này khiến sinh viên trở nên thụ động và chỉ tiếp thu kiến thức từ giảng viên mà không xây dựng được sự tương tác với nội dung bài học. Cách tiếp cận này thường mang tính lý thuyết và ghi nhớ nhiều hơn là ứng dụng thực tế (Tebabal & Kahssay,

2011). Khi áp dụng phương pháp này trong lớp học, sinh viên không có cơ hội sử dụng kỹ năng giao tiếp của mình vì giảng viên là người cung cấp thông tin chính. Việc sinh viên không được phép chia sẻ những gì đã học có thể dẫn đến tình trạng nhàm chán, mất động lực, và không thể tự định hướng việc học của mình. Từ đó, phương pháp giảng dạy này không trao quyền cho học sinh trong việc phát triển kỹ năng tự chủ và học tập suốt đời.

Một vấn đề khác trong việc giảng dạy tiếng Anh, đặc biệt là trong các lớp học nói, là sự sử dụng chủ yếu của ngôn ngữ mẹ đẻ (L1) trong giảng dạy (Quadir, 2021). Mặc dù ngôn ngữ mẹ đẻ không nên hoàn toàn bị loại bỏ trong lớp học ngoại ngữ, việc sử dụng quá mức tiếng Việt cần được hạn chế. Tiếng Việt chỉ nên sử dụng khi học sinh chưa thành thạo ngôn ngữ đích. Việc sử dụng quá nhiều tiếng mẹ đẻ có thể tạo thành thói quen mà cả giảng viên và sinh viên đều dựa vào mỗi khi gặp khó khăn. Ngôn ngữ mẹ đẻ đôi khi có thể dẫn đến sự hiểu lầm khi học ngôn ngữ đích từ đó làm giảm cơ hội tiếp xúc của sinh viên với tiếng Anh.

Do phương pháp giảng dạy không phù hợp hoặc các hoạt động truyền thống trong lớp học ngoại ngữ, động lực học tiếng Anh của người học, đặc biệt là kỹ năng nói, bị ảnh hưởng. Cụ thể, những yếu tố như hành vi và tính cách của giảng viên, phong cách giảng dạy không phù hợp, phương pháp giảng dạy lỗi thời và năng lực ngôn ngữ có thể là những nguyên nhân chính khiến học sinh mất động lực và không đạt được trình độ thành thạo trong kỹ năng nói tiếng Anh.

### 3.4.3. Động cơ học tập

Động cơ học tập là yếu tố tâm lý đại diện cho động lực tạo ra hành động và đóng vai trò quan trọng trong việc đạt được bất kỳ loại mục tiêu nào. Đây cũng là một trong những khía cạnh quan trọng nhất trong việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai. Động cơ cung cấp cho sinh viên sự kích thích chính để bắt đầu học ngôn ngữ và sau đó trở thành động lực thúc đẩy họ kiên trì trong quá trình học tập, để người học có thể hoàn thành các mục tiêu dài hạn nếu có đủ động cơ (Dörnyei, 1998). Người có động cơ mạnh mẽ có thể tham gia vào quá trình nói. Có thể suy ra rằng sinh viên có thể nói tốt là do động lực thúc đẩy việc nói. Có hai loại động cơ, có thể là động cơ bên ngoài và động cơ bên trong. Động cơ bên ngoài là do các yếu tố bên ngoài sinh viên tác động. Có thể là từ giảng viên, cha mẹ, bạn bè, môi trường, v.v... Trên thực tế, yếu tố đó có thể ảnh hưởng đến động cơ bên ngoài của họ trong quá trình giảng dạy và học tập (Yulis, 2016). Động cơ bên trong thường liên quan đến tài năng và trí thông minh của người học. Động cơ bên trong có thể có từ khi con người sinh ra, vì vậy động cơ là một phần của đặc điểm được thúc đẩy bởi các yếu tố nội sinh (Istanti, 2013). Sinh viên có động cơ nội tại đối với các hoạt

động nói có nhiều khả năng thực hiện hoạt động đó một cách tự nguyện, học các nội dung hoặc kỹ năng phức tạp hơn và sáng tạo hơn trong quá trình thực hiện. Mặt khác, những sinh viên có động cơ bên ngoài nhiều hơn có xu hướng thực hiện các hoạt động với mục đích chính là nhận được phần thưởng hoặc mong đợi được đánh giá cao hoặc cạnh tranh.

Lý thuyết về động cơ có liên quan chặt chẽ đến khái niệm học tập. Con người có rất nhiều nhu cầu: nhu cầu thành tích, nhu cầu liên kết và nhu cầu quyền lực. Khi nhu cầu của một ai đó rất cấp thiết, thì người đó sẽ cố gắng hết sức để tự thúc đẩy bản thân. Động cơ là một khía cạnh quan trọng trong quá trình dạy học. Nếu không có động cơ học tập, sinh viên không thể thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Khi người học không có động lực, thì không thể cải thiện khả năng nói của mình vì họ không có ý thức tham gia, đặt câu hỏi, thử nghiệm hoặc chấp nhận sửa lỗi. Nếu người học bị mất động lực, họ sẽ kém sáng tạo hơn, không thể làm việc độc lập và sẽ không thích quá trình nói. Những sinh viên này thậm chí có thể trở nên tê liệt hoặc thất vọng với sự tiến bộ của mình. Sự mất động lực có tác động bất lợi đến kết quả học tập ngoại ngữ của họ. Ngoài ra, nếu thiếu động lực sinh viên sẽ không cố gắng phát biểu trong lớp, không tỏ ra hứng thú và kém tập trung. Thiếu động lực dẫn đến trình độ ngôn ngữ thấp hơn.

### 3.4.4. Sự lo lắng

Thành thạo kỹ năng giao tiếp được coi là mục tiêu quan trọng nhất trong bối cảnh dạy tiếng Anh như ngoại ngữ (EFL) hiện đại. Tuy nhiên, việc trở nên thành thạo và lưu loát trong giao tiếp đặc biệt khó khăn đối với người học ngoại ngữ do sự tác động của nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố tình cảm (Hanifa, 2018). Một trong những yếu tố tình cảm này, đặc biệt là sự lo lắng, đã chứng tỏ là một yếu tố có tác động tiêu cực mạnh mẽ đến khả năng nói của người học.

Sự lo lắng về ngôn ngữ được định nghĩa là “một phức hợp các nhận thức về bản thân, niềm tin, cảm xúc và hành vi liên quan đến việc học ngôn ngữ trong lớp học, do tính chất đặc thù của quá trình học ngôn ngữ” (Horwitz, Horwitz & Cope, 1986, tr. 133). Sự lo lắng này không chỉ ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình học ngôn ngữ thứ hai mà còn có thể làm giảm động lực học ngôn ngữ của người học. Tác động của lo lắng về ngôn ngữ đối với việc học có thể được phân loại theo nhiều khía cạnh như học thuật, xã hội, nhận thức, tình cảm hoặc cá nhân. Những người học có mức độ lo lắng cao thường có kết quả học tập thấp, ít tham gia các hoạt động tương tác xã hội bằng ngôn ngữ thứ hai, và gặp khó khăn trong việc tiếp thu ngôn ngữ do lo lắng can thiệp vào quá trình xử lý thông tin. Thêm vào đó, lo lắng còn ảnh hưởng đến tính cách của sinh

viên, khiến họ trở nên dễ lo âu, hay quên, và cảm thấy bất an.

Sinh viên có khả năng giao tiếp thấp thường gặp phải mức độ lo lắng cao trong giao tiếp. Tuy nhiên, ngay cả những em có khả năng giao tiếp tốt, những người thể hiện tốt trong mọi tình huống, cũng có thể bị ảnh hưởng bởi sự lo lắng. Do đó, khi sinh viên có trình độ tiếng Anh tốt có thể không thể thể hiện tốt trong bài kiểm tra nói do bị ảnh hưởng quá mức bởi sự lo lắng và căng thẳng trong khi làm bài (Heng, Nadzimah & Binti, 2011).

### 3.4.5. Lòng tự trọng cao

Lòng tự trọng cao là mức độ mà sinh viên cảm thấy hài lòng với bản thân, cảm nhận được giá trị và xứng đáng nhận được sự tôn trọng. Năng lực nhận thức được định nghĩa là niềm tin vào khả năng của bản thân trong một lĩnh vực cụ thể như viết, nói, hay chính tả (APA, 2020). Trong bối cảnh học nói, lòng tự trọng cao là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự thành công hay thất bại của sinh viên trong việc rèn luyện kỹ năng nói tiếng Anh. Sinh viên có lòng tự trọng cao sẽ tự tin hơn khi giao tiếp bằng tiếng Anh, tham gia vào các hoạt động học tập một cách chủ động và hứng thú hơn. Ngược lại, sinh viên có lòng tự trọng thấp sẽ thiếu động lực để nói và gặp khó khăn trong việc thể hiện bản thân, thường cảm thấy ngại ngùng và thiếu tự tin khi phát âm các từ tiếng Anh (Maryansyah & Wadison, 2017).

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến lòng tự trọng của người học (Branden, 1994, trích dẫn trong Aisyah, 2020): (1) Lòng tự trọng của người thầy: Giảng viên có lòng tự trọng cao sẽ giúp sinh viên phát triển các kỹ năng giải quyết vấn đề và xây dựng lòng tin vào khả năng của mình. Giảng viên cần tạo môi trường tôn trọng, hợp tác và tham gia giữa người dạy và người học; (2) Kỳ vọng: Giảng viên cần truyền đạt rõ ràng kỳ vọng của mình và hỗ trợ sinh viên trong việc đạt được mục tiêu. Khi sinh viên cảm thấy được sự quan tâm, họ sẽ có thêm động lực để học; (3) Môi trường lớp học: Cách giảng viên đối xử với người học trong lớp sẽ ảnh hưởng đến cảm giác của họ về việc được tôn trọng. Các yếu tố như sự công bằng, kỷ luật và sự chú ý đều góp phần vào việc xây dựng lòng tự trọng của người học; (4) Năng lực và kỹ năng: Mỗi sinh viên đều có mức độ khả năng khác nhau. Các phương pháp giảng dạy hiệu quả sẽ phát huy điểm mạnh của người học, thay vì chỉ chú trọng vào những điểm yếu của các em; (5) Cá tính nhận thức: Mỗi người có phong cách học tập và nhận thức riêng. Việc phát triển các phương pháp giảng dạy phù hợp sẽ giúp người học áp dụng phương pháp học tập của chính mình một cách hiệu quả.

### 3.5. Kết quả khảo sát

Kết quả thu được từ phiếu khảo sát của giảng viên  
Khi được hỏi về khó khăn của giảng viên trong việc dạy kỹ năng nói cho sinh viên 70% giảng viên cho rằng sinh viên thường giữ yên lặng và chỉ nói khi giáo viên yêu cầu. 30% giảng viên cho rằng sinh viên còn ngại ngùng, chưa tự tin nói tiếng Anh trước nhóm và lớp. Ngoài ra giảng viên cũng cho rằng là xuất phát từ sự thiếu tự tin của sinh viên, thiếu động cơ học tập và sự lo lắng sợ mắc lỗi. 50% giảng viên cho rằng kiến thức nền tảng của sinh viên còn hạn chế, sự trôi chảy và chính xác trong khi nói cũng là rào cản với sinh viên. 60% giảng viên cho rằng kiến thức ngữ pháp, thiếu vốn từ vựng và phát âm yếu là nguyên nhân chính dẫn đến sinh viên ngại nói tiếng Anh trên lớp.

Kết quả thu được từ phiếu khảo sát của sinh viên  
Trong số 120 sinh viên tham gia điều tra có 80% sinh viên gặp khó khăn tâm lý như sợ mắc lỗi, sợ bị các bạn cười chê, sợ không biết nói gì, xấu hổ khi nói trước lớp. Chủ yếu 90% các em sợ nói do thiếu vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp kém. Một số lượng lớn sinh viên (95%) cũng cho biết họ sợ bị chỉ trích hoặc mất mặt và thiếu động lực sử dụng tiếng Anh để thể hiện bản thân. Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết sinh viên (82%) cho rằng họ học tiếng Anh vì đây là môn học bắt buộc theo khung chương trình đào tạo. 81% sinh viên học nói tiếng Anh vì điểm số cao và hơn 2/3 số sinh viên mong muốn sau khi tốt nghiệp có thể sử dụng tốt tiếng Anh trong công việc tương lai của mình.

Từ phiếu điều tra của sinh viên cho thấy sinh viên nhận ra tầm quan trọng của việc học nói tiếng Anh. Tuy nhiên, họ còn gặp một số khó khăn khi áp dụng các hoạt động nói một cách có hiệu quả. Kết quả điều tra cho thấy 63% sinh viên cho rằng giảng viên đóng một vai trò quan trọng trong quá trình dạy và học. 65% người tham gia cho rằng giảng viên cần tuân theo các phương pháp giảng dạy chính xác và hiệu quả để sinh viên có thể tiếp thu đầy đủ kiến thức cần thiết. Để làm được điều này, 72% sinh viên đề xuất giảng viên phải sử dụng các phương pháp giảng dạy và phương pháp sư phạm phù hợp, vừa đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên, vừa hướng tới các mục tiêu và kết quả mong muốn. Các chiến lược và phương pháp giảng dạy đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra sự tiến bộ vì chúng có thể thúc đẩy hoặc cản trở quá trình học tập, đặc biệt là trong việc học ngôn ngữ.

### 3.6. Đề xuất

Nghiên cứu này tập trung vào các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng nói của người học tại Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương. Khi phân tích tình hình học tập ngôn ngữ của sinh viên, những yếu tố tác động đến các em không chỉ là sự thiếu hụt vốn từ vựng hay ngữ pháp, mà còn là các yếu tố tâm lý bên trong như lo lắng, thiếu tự tin, thiếu động lực và lòng tự trọng thấp.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số đề xuất được đưa ra không chỉ dành cho giảng viên mà còn cho sinh viên. Khuyến khích giảng viên: (1) Tạo ra một môi trường học ngôn ngữ không có sự lo lắng, giúp sinh viên vượt qua rào cản này bằng các công cụ và phương pháp sẵn có; (2) Xây dựng một cộng đồng học tập cung cấp môi trường lý tưởng để tăng cường động lực và tạo không khí hợp tác, giúp họ cảm thấy tin tưởng và gắn kết trong lớp học. Giảng viên cần áp dụng các biện pháp giảm thiểu lo lắng cho học sinh. Đối với sinh viên, cần khuyến khích: (3) Xác định và vượt qua các rào cản tâm lý, đối mặt với nỗi sợ hãi để có thể thực hành ngôn ngữ và cải thiện khả năng giao tiếp; (4) Xây dựng sự tự tin và rèn luyện lòng tự trọng để vượt qua sự nhút nhát và thiếu tự tin. Bằng cách tạo ra một môi trường học tập thoải mái và lành mạnh, đồng thời đổi diện và giải quyết nỗi sợ học ngôn ngữ, sinh viên sẽ tự tin hơn trong hành trình chinh phục sự trôi chảy ngôn ngữ.

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng sự tự tin có liên quan mật thiết đến động lực học tập, sự kiên trì và khả năng đối mặt với các thử thách. Người học có sự tự tin cao thường sẽ có khả năng đạt được kết quả tốt và thành công trong học tập. Khi sinh viên tin vào khả năng của mình, họ sẽ không bỏ cuộc và sẽ thành công trong việc học. Sự tự tin không chỉ giúp học sinh tự tin hơn trong việc tham gia vào các hoạt động học tập mà còn giúp họ có thể sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống thực tế.

Ngược lại, sinh viên thiếu tự tin thường sợ hãi khi phải đặt câu hỏi, bày tỏ ý kiến hay thử nghiệm khả năng của mình. Họ ít tham gia vào các hoạt động học tập và lo lắng khi mắc lỗi, điều này có thể cản trở sự tiến bộ học tập. Vì vậy, để giúp sinh viên hình thành sự tự tin, giảng viên cần khẳng định (bằng lời nói và hành động) rằng mình tin tưởng vào khả năng của sinh viên, đồng thời khuyến khích họ lập danh sách những điểm mạnh của mình và những thành tích đã đạt được trong quá trình học.

#### 4. KẾT LUẬN

Dạy tiếng Anh, đặc biệt là kỹ năng nói, không phải là điều dễ dàng. Người giảng viên cần tìm ra các chiến lược phù hợp để dạy sinh viên, kiên nhẫn trong việc giúp họ phát triển sự tự tin và thực hành nói tiếng Anh. Việc tạo ra một không khí lớp học vui vẻ, có thể thông qua các trò chơi, sẽ giúp kích thích sự hứng thú học nói của người học. Sinh viên cũng nên được khuyến khích áp dụng các phương pháp học tập khác thú vị cũng như sử dụng các kỹ thuật mới. Bên cạnh sự chăm chỉ, chuyên cần, sinh viên muốn thành thạo kỹ năng nói tiếng Anh cần thường xuyên thực hành nói tại nhà đồng thời cần tự tin và không ngại khi giao tiếp.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cao, T. H. O., Hoang, H. C., & Ta, T. B. (2016). *National policies for teaching English in Vietnamese educational contexts: A discussion of policies. Thaiteol Journal*, 29(2), 2–14.
- Greenbaum, S., & Nelson, G. (2002). *An Introduction to English Grammar. Great Britain: Pearson Education Limited.*
- Harmer, J. (2001). *The Practice of English Language Teaching (3rd ed.). Harlow: Longman.*
- Hoi, H. T. (2019). *Efficiency of Japanese-Vietnamese Translation Job Thanks to the Use of Technology in the Fourth Industrial Revolution. In Proceedings of the 2019 The Third International Conference on Digital Technology in Education*, 181–184.
- Holloway, J. E. (2022). *What is spoken language? <https://www.infobloom.com/what-is-spoken-language.htm>*
- Hudge. (2003). *Factors Affecting Student's Speaking Performance. Vietnam: Asian Journal of Educational Research.*
- Mirhadizadeh, N. (2016). *Internal and External Factors in Language Learning. International Journal of Modern Language Teaching and Learning*, 1(5), 188–196.
- Nguyen, H. T. M. (2011). *Primary English language education policy in Vietnam: Insights from implementation. Current Issues in Language Planning*, 12(2), 225–249.
- Nunan, D. (2003). *Practical English Language Teaching. New York: McGraw Hill.*
- Phan, T. T. H. (2009). *Impacts of Vietnam's social context on learners' attitudes towards foreign languages and English learning: Implications for teaching and learning. Asian EFL Journal*, 11(4), 169–188.
- Setyani, L. (2013/2014). *Improving Students' Speaking Ability through Task-based Learning. In Chapter II Theoretical Review: Speaking - The Nature of Speaking. Universitas Muhammadiyah Purwokerto, Indonesia.*
- Torky, S. A. E. F. (2006). *The Effectiveness of a Task-Based Instruction Program in Developing the English Language Speaking Skills of Secondary Stage Students*, 13–22. *Ain Shams University.*
- Turk, C. (2003). *Effective Speaking: Communication in Speech. London: Taylor & Francis e-Library.*
- Van, H. V. (2013). *The role of English in the internationalization of higher education in Vietnam. VNU Journal of Foreign Studies*, 29(1).
- Van, H. V. (2018). *The current situation and issues of the teaching of English in Vietnam. University of Languages and International Studies, Vietnam National University, Hanoi.*